

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

VIỆT NAM - TRUNG HOA

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 54/2004/LPQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2004

Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2004./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
Phó Vụ trưởng

Nguyễn Hoàng Anh

**HIỆP ĐỊNH hợp tác nghề cá ở
Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ
nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam và Chính phủ
nước Cộng hòa nhân dân
Trung Hoa**

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là “hai Bên ký kết”);

Nhằm giữ gìn và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc;

Nhằm bảo tồn và khai thác bền vững tài nguyên sinh vật biển trong Vùng nước Hiệp định ở Vịnh Bắc Bộ;

Nhằm mục đích tăng cường hợp tác nghề cá giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ;

Căn cứ theo luật pháp quốc tế, đặc biệt là các quy định liên quan trong “Công ước của Liên hợp quốc về luật biển” ký ngày 10 tháng 12 năm 1982 cũng như Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước ký ngày 25 tháng 12 năm 2000 (dưới đây gọi tắt là “Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ”);

Qua hiệp thương hữu nghị, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của nhau trong Vịnh Bắc Bộ, bình đẳng cùng có lợi;

Đã thỏa thuận như sau:

Phần I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hiệp định này áp dụng cho một phần vùng đặc quyền kinh tế và một phần vùng giáp giới lãnh hải của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ (dưới đây gọi tắt là “Vùng nước Hiệp định”).

Điều 2. Hai Bên ký kết tiến hành hợp tác nghề cá trong Vùng nước Hiệp định trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của nhau. Việc hợp tác nghề cá này không ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh hải của mỗi nước và các quyền lợi khác mà mỗi Bên ký kết được hưởng trong vùng đặc quyền kinh tế của mình.

Phần II

VÙNG ĐÁNH CÁ CHUNG

Điều 3.

1. Hai Bên ký kết nhất trí thiết lập Vùng đánh cá chung trong vùng đặc quyền kinh tế của mỗi nước, nằm về phía Bắc của đường đóng cửa Vịnh Bắc Bộ,

về phía Nam của vĩ tuyến 20° Bắc và cách đường phân định được xác định trong Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ (dưới đây gọi tắt là “Đường phân định”) 30,5 hải lý về mỗi phía.

2. Phạm vi cụ thể của Vùng đánh cá chung là vùng nước nằm trong các đoạn đường thẳng tuần tự nối liền các điểm sau đây:

Điểm 1: Vĩ độ 17°23'38" Bắc	Kinh độ 107°34'43" Đông
Điểm 2: Vĩ độ 18°09'20" Bắc	Kinh độ 108°20'18" Đông
Điểm 3: Vĩ độ 18°44'25" Bắc	Kinh độ 107°41'51" Đông
Điểm 4: Vĩ độ 19°08'09" Bắc	Kinh độ 107°41'51" Đông
Điểm 5: Vĩ độ 19°43'00" Bắc	Kinh độ 108°20'30" Đông
Điểm 6: Vĩ độ 20°00'00" Bắc	Kinh độ 108°42'32" Đông
Điểm 7: Vĩ độ 20°00'00" Bắc	Kinh độ 107°57'42" Đông
Điểm 8: Vĩ độ 19°52'34" Bắc	Kinh độ 107°57'42" Đông
Điểm 9: Vĩ độ 19°52'34" Bắc	Kinh độ 107°29'00" Đông
Điểm 10: Vĩ độ 20°00'00" Bắc	Kinh độ 107°29'00" Đông
Điểm 11: Vĩ độ 20°00'00" Bắc	Kinh độ 107°07'41" Đông
Điểm 12: Vĩ độ 19°33'07" Bắc	Kinh độ 106°37'17" Đông
Điểm 13: Vĩ độ 18°40'00" Bắc	Kinh độ 106°37'17" Đông
Điểm 14: Vĩ độ 18°18'58" Bắc	Kinh độ 106°53'08" Đông
Điểm 15: Vĩ độ 18°00'00" Bắc	Kinh độ 107°01'55" Đông
Điểm 16: Vĩ độ 17°23'38" Bắc	Kinh độ 107°34'43" Đông

Điều 4. Hai Bên ký kết tiến hành hợp tác nghề cá lâu dài trong Vùng đánh cá chung trên tinh thần cùng có lợi.

Điều 5. Hai Bên ký kết căn cứ theo điều kiện môi trường tự nhiên, đặc điểm của tài nguyên sinh vật, nhu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, cũng như những ảnh hưởng đối với hoạt động nghề cá của mỗi Bên ký kết trong Vùng đánh cá chung, cùng đặt ra những

biện pháp về việc bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên sinh vật trong Vùng đánh cá chung.

Điều 6. Hai Bên ký kết tôn trọng nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, căn cứ vào sản lượng được phép đánh bắt được xác định trên cơ sở kết quả điều tra liên hợp định kỳ về nguồn lợi thủy sản và những ảnh hưởng đối với hoạt động nghề cá của mỗi Bên ký kết cũng như nhu cầu

của sự phát triển bền vững, thông qua Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung được thành lập theo Điều 13 của Hiệp định này, hàng năm xác định số lượng tàu cá của mỗi Bên ký kết vào hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung.

Điều 7.

1. Mỗi Bên ký kết thực hiện chế độ cấp phép đánh bắt đối với tàu cá Bên mình tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung. Việc cấp phép đánh bắt phải căn cứ theo số lượng tàu cá hoạt động đánh bắt mà Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung định ra cho năm đó, đồng thời thông báo cho Bên ký kết kia tên, số hiệu tàu cá được cấp phép. Hai Bên ký kết có nghĩa vụ giáo dục và đào tạo những ngư dân vào tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung.

2. Tất cả những tàu cá vào tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung đều phải xin phép cơ quan được trao thẩm quyền của Chính phủ nước mình và sau khi nhận được giấy phép đánh bắt mới có thể vào tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung. Tàu cá của hai Bên ký kết vào hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung cần phải được đánh dấu theo quy định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung.

Điều 8. Khi tiến hành hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung, công dân và tàu cá của mỗi Bên ký kết phải tuân thủ những quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung; phải viết chính xác nhật ký đánh bắt theo yêu cầu của Ủy ban liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung, đồng thời phải nộp cho cơ quan được trao thẩm quyền của Chính phủ nước mình trong thời gian quy định.

Điều 9.

1. Căn cứ vào các quy định do Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung đặt ra trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của Vùng đánh cá chung cũng như phù hợp với luật pháp của mỗi nước về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản, cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát đối với công dân và tàu cá của hai Bên ký kết ở Vùng đánh cá chung thuộc vùng nước của mình.

2. Khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết phát hiện công dân và tàu cá Bên ký kết kia vi phạm các quy định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung ở Vùng đánh cá chung thuộc vùng nước của mình thì có quyền xử lý các hành vi vi phạm đó theo các quy định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung, và nên thông

báo nhanh chóng cho Bên ký kết kia tình hình liên quan và kết quả xử lý theo đường do Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung thỏa thuận. Các tàu cá và thuyền viên bị bắt giữ cần phải được phóng thích nhanh chóng sau khi có sự bảo lãnh thích đáng hoặc những bảo đảm khác.

3. Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết có thể phối hợp với nhau cùng kiểm tra, kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung trong Vùng đánh cá chung.

4. Mỗi Bên ký kết có quyền căn cứ vào luật pháp của nước mình xử phạt những tàu cá chưa được cấp phép mà vào Vùng đánh cá chung thuộc vùng nước của mình tiến hành hoạt động nghề cá, hoặc tuy được cấp phép vào Vùng đánh cá chung nhưng có các hoạt động bất hợp pháp ngoài hoạt động nghề cá.

5. Mỗi Bên ký kết nên tạo thuận lợi cho những tàu cá đã được cấp phép của Bên ký kết kia được vào Vùng đánh cá chung. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết không được lạm dụng chức quyền, cản trở những công dân và tàu cá đã được cấp phép của Bên ký kết kia tiến hành hoạt động nghề cá bình thường trong Vùng đánh cá chung. Nếu một Bên ký kết phát hiện cơ quan có

thẩm quyền của Bên ký kết kia tiến hành thực thi pháp luật không theo biện pháp quản lý chung do Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung đặt ra thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đó giải thích, khi cần thiết, có thể đưa ra thảo luận và giải quyết tại Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung.

Điều 10. Mỗi Bên ký kết có thể áp dụng bất kỳ một phương thức hợp tác hoặc liên doanh quốc tế nào trong khuôn khổ quy mô đánh bắt của Bên mình trong Vùng đánh cá chung. Tất cả tàu cá được cấp phép hoạt động nghề cá theo các phương thức hợp tác hoặc liên doanh nói trên trong Vùng đánh cá chung đều phải tuân theo những quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản do Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung đặt ra, treo quốc kỳ của Bên ký kết cấp phép đó và tiến hành đánh dấu theo quy định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung, hoạt động nghề cá trong Vùng đánh cá chung tại vùng nước của Bên ký kết cấp phép đó.

Phần III

DÀN XẾP QUÁ ĐỘ

Điều 11.

1. Mỗi Bên ký kết nên đưa ra dàn xếp quá độ đối với hoạt động nghề cá hiện có của Bên ký kết kia trong vùng đặc quyền

kinh tế nước mình nằm về phía Bắc Vùng đánh cá chung (tính từ vĩ tuyến 20⁰ Bắc). Việc dàn xếp quá độ bắt đầu được thực thi kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Bên ký kết kia nên áp dụng biện pháp giảm dần hàng năm hoạt động nghề cá nói trên. Việc dàn xếp quá độ sẽ kết thúc trong vòng 4 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

2. Phạm vi vùng nước dàn xếp quá độ và biện pháp quản lý đối với việc dàn xếp quá độ sẽ do hai Bên ký kết quy định bằng hình thức Nghị định thư bổ sung. Nghị định thư bổ sung đó là bộ phận không thể tách rời của Hiệp định này.

3. Sau khi dàn xếp quá độ kết thúc, trong điều kiện giống nhau, mỗi Bên ký kết nên ưu tiên cho phép Bên ký kết kia vào đánh bắt theo chế độ vùng đặc quyền

kinh tế trong vùng đặc quyền kinh tế nước mình.

Phần IV

VÙNG ĐỆM CHO TÀU CÁ NHỎ

Điều 12.

1. Để tránh xảy ra tranh chấp do việc tàu cá loại nhỏ của hai Bên ký kết đi nhầm vào lãnh hải của Bên ký kết kia, hai Bên ký kết thiết lập vùng đệm cho tàu cá loại nhỏ ở vùng giáp giới lãnh hải của hai nước, chiều dài tính từ điểm đầu tiên của đường phân định kéo về phía Nam theo đường phân định 10 hải lý, chiều rộng lùi về mỗi phía 3 hải lý tính từ đường phân định, phạm vi cụ thể được tạo thành bởi các đoạn thẳng tuân tự nối các điểm sau đây:

Điểm 1: Vĩ độ 21 ⁰ 28'12.5" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 06'04.3" Đông
Điểm 2: Vĩ độ 21 ⁰ 25'40.7" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 02'46.1" Đông
Điểm 3: Vĩ độ 21 ⁰ 17'52.1" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 04'30.3" Đông
Điểm 4: Vĩ độ 21 ⁰ 18'29.0" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 07'39.0" Đông
Điểm 5: Vĩ độ 21 ⁰ 19'05.7" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 10'47.8" Đông
Điểm 6: Vĩ độ 21 ⁰ 25'41.7" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 09'20.0" Đông
Điểm 7: Vĩ độ 21 ⁰ 28'12.5" Bắc	Kinh độ 108 ⁰ 06'04.3" Đông

2. Nếu một Bên ký kết phát hiện tàu cá loại nhỏ của Bên ký kết kia vào hoạt động nghề cá trong vùng đệm cho tàu cá loại nhỏ thuộc vùng nước của mình có thể cảnh cáo và áp dụng các biện pháp cần

thiết để buộc tàu đó rời khỏi vùng nước đó, nhưng nên kiềm chế: không bắt bớ, giam giữ, xử phạt hoặc dùng vũ lực; nếu xảy ra tranh chấp liên quan đến hoạt động nghề cá thì nên báo cáo Ủy ban

Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung để giải quyết; nếu xảy ra những tranh chấp ngoài hoạt động nghề cá thì do các cơ quan có thẩm quyền liên quan của mỗi nước giải quyết theo luật pháp của nước mình.

Phần V

ỦY BAN LIÊN HỢP NGHỀ CÁ VỊNH BẮC BỘ VIỆT - TRUNG

Điều 13.

1. Để thực thi Hiệp định này, hai Bên ký kết quyết định thành lập Ủy ban Liên hợp Nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung (sau đây gọi tắt là "Ủy ban Liên hợp Nghề cá"). Ủy ban Liên hợp Nghề cá gồm mỗi Bên ký kết một đại diện do Chính phủ Bên ký kết đó bổ nhiệm và một số ủy viên.

2. Ủy ban Liên hợp Nghề cá sẽ đặt ra những quy định cụ thể về cơ chế hoạt động của mình.

3. Ủy ban Liên hợp Nghề cá có chức trách như sau:

3.1. Hiệp thương những vấn đề liên quan đến bảo tồn và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản trong Vùng nước Hiệp định, đồng thời đề xuất kiến nghị với Chính phủ hai nước.

3.2. Hiệp thương về những việc liên

quan tới hợp tác nghề cá của hai nước ở Vùng nước Hiệp định, đồng thời đề xuất kiến nghị với Chính phủ hai nước.

3.3. Căn cứ theo Điều 5 của Hiệp định này đặt ra những quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong Vùng đánh cá chung cũng như các biện pháp thực thi các quy định đó.

3.4. Căn cứ theo Điều 6 của Hiệp định này hàng năm xác định số lượng tàu cá của mỗi Bên ký kết vào hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung.

3.5. Hiệp thương và quyết định những việc khác liên quan tới Vùng đánh cá chung.

3.6. Thực hiện chức năng của mình theo các quy định của Nghị định thư bổ sung về dàn xếp quá độ.

3.7. Giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động nghề cá xảy ra trong Vùng đệm cho tàu cá loại nhỏ.

3.8. Tiến hành chỉ đạo việc xử lý đối với những tranh chấp nghề cá và sự cố gây thiệt hại trên biển trong phạm vi chức năng của mình.

3.9. Tiến hành đánh giá tình hình chấp hành Hiệp định này và báo cáo Chính phủ hai nước.

3.10. Có thể kiến nghị với Chính phủ hai nước về việc bổ sung, sửa đổi Hiệp định này, Phụ lục của Hiệp định này và

Nghị định thư bổ sung của Hiệp định này.

3.11. Tiến hành hiệp thương những công việc khác mà hai Bên ký kết cùng quan tâm.

4. Tất cả mọi kiến nghị và quyết định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá đều phải được sự nhất trí của đại diện hai Bên ký kết.

5. Ủy ban Liên hợp Nghề cá mỗi năm họp một đến hai lần và luân phiên tổ chức tại hai nước. Khi cần thiết, có thể triệu tập hội nghị bất thường sau khi có sự nhất trí của hai Bên ký kết.

Phần VI

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 14. Để đảm bảo an toàn hàng hải, giữ gìn an ninh và trật tự hoạt động đánh bắt trên biển, xử lý kịp thời, thuận lợi các tai nạn trên biển trong Vùng nước Hiệp định, mỗi Bên ký kết nên có sự chỉ đạo, giáo dục pháp luật và áp dụng các biện pháp cần thiết khác đối với công dân và tàu cá của nước mình.

Điều 15.

1. Khi công dân và tàu cá của một Bên ký kết gặp nạn hoặc tình hình khẩn cấp khác tại vùng biển của Bên ký kết kia

cần cứu giúp thì Bên ký kết kia có nghĩa vụ tiến hành việc cứu trợ và bảo hộ, đồng thời nhanh chóng thông báo tình hình liên quan cho cơ quan hữu quan của Bên ký kết đó.

2. Khi công dân và tàu cá của một Bên ký kết do thời tiết xấu hoặc gặp tình hình khẩn cấp khác phải lánh nạn, thì có thể thông qua liên hệ với cơ quan hữu quan của Bên ký kết kia căn cứ vào Phụ lục của Hiệp định này và các quy định của Ủy ban Liên hợp Nghề cá để tới Bên ký kết kia lánh nạn. Công dân và tàu cá trong thời gian lánh nạn cần phải tuân thủ pháp luật và quy định liên quan của Bên ký kết kia, đồng thời phải phục tùng sự quản lý của cơ quan hữu quan của Bên ký kết kia.

Điều 16. Mỗi Bên ký kết căn cứ theo các quy định của “Công ước của Liên hợp quốc về luật biển” ngày 10 tháng 12 năm 1982 bảo đảm quyền đi qua vô hại và đi lại thuận lợi cho tàu cá của Bên ký kết kia.

Điều 17.

1. Hai Bên ký kết nên tiến hành hợp tác nghiên cứu khoa học về nghề cá và bảo tồn tài nguyên sinh vật biển trong Vùng nước Hiệp định.

2. Mỗi Bên ký kết có thể tiến hành hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học nghề

cá trong Vùng nước Hiệp định thuộc Bên mình.

Phần VII

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 18. Bất cứ tranh chấp nào nảy sinh giữa hai Bên ký kết trong việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này nên được giải quyết thông qua thương lượng hữu nghị.

Điều 19. Những Phụ lục của Hiệp định này và Nghị định thư bổ sung của Hiệp định này là bộ phận không thể tách rời của Hiệp định này.

Điều 20. Hiệp định này, những Phụ lục của Hiệp định này và Nghị định thư bổ sung của Hiệp định này có thể được bổ sung, sửa đổi thông qua thương lượng giữa hai Bên ký kết.

Điều 21. Các tọa độ địa lý của Vùng đánh cá chung được quy định trong khoản 2 Điều 3 của Hiệp định này và các tọa độ địa lý của Vùng đệm cho tàu cá nhỏ được quy định trong khoản 1 Điều 12 của Hiệp định này được xác định trên Tổng đồ toàn diện Vịnh Bắc Bộ và Bản đồ chuyên đề cửa sông Bắc Luân, là các bản đồ được đính kèm theo Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ.

Điều 22.

1. Hiệp định này, sau khi được hai Bên ký kết hoàn thành trình tự pháp luật của mỗi nước, sẽ có hiệu lực vào ngày được thỏa thuận trong văn kiện trao đổi giữa Chính phủ hai nước.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong vòng 12 năm và mặc nhiên gia hạn thêm 3 năm. Sau khi thời gian gia hạn kết thúc, việc hợp tác tiếp theo do hai Bên ký kết hiệp thương thỏa thuận.

Hiệp định này được ký tại Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Thủy sản

Tạ Quang Ngọc

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
NHÂN DÂN TRUNG HOA

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

Hồ Diệu Bang

Phụ lục

CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁNH NẠN KHẨN CẤP

Nhằm thực hiện quy định của khoản 2 Điều 15 của Hiệp định này:

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ định Cục Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản Bộ Thủy sản làm cơ quan liên lạc. Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chỉ định Cục Giám sát quản lý ngư chính ngư cảng

khụ Nam Hải Bộ Nông nghiệp làm cơ quan liên lạc.

2. Hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau các biện pháp liên lạc về tránh nạn khẩn cấp tại Ủy ban Liên hợp Nghề cá.

3. Nội dung liên lạc về việc tránh nạn khẩn cấp nên bao gồm: tên tàu, hồ hiệu, vị trí tàu tại thời điểm liên lạc (vĩ độ, kinh độ), địa điểm đăng ký tàu, tổng trọng tải, chiều dài, họ tên thuyền trưởng, số thủy thủ, lý do tránh nạn, địa điểm xin vào tránh nạn, thời gian dự kiến đến địa điểm tránh nạn và cách thức liên lạc./.